

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN
DAMSAN JOINT STOCK COMPANY

Số: 12032026 /ADS

No: 12032026 /ADS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

Hung Yên, ngày 12 tháng 03 năm 2026

Hung Yen, March 12th, 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán nhà nước

- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

To: - State Securities Commission of Vietnam/ Ho Chi Minh Stock Exchange

1. Tên tổ chức/*Name of organization*: **CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN/ DAMSAN JOINT STOCK COMPANY**

- Mã chứng khoán/Mã thành viên/ *Stock code/ Broker code*: ADS

- Địa chỉ/ *Address*: Lô A4, đường Bùi Viện, Khu công nghiệp Nguyễn Đức Cảnh, Phường Trần Hưng Đạo, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam./ *Lot A4, Bui Vien Street, Nguyen Duc Canh Industrial Zone, Tran Hung Dao Ward, Hung Yen Province, Vietnam.*

- Điện thoại liên hệ/ *Tel*: 02273.643.826 Fax: 02273.642312

- E-mail: hc1@damsanjsc.vn

2. Nội dung thông tin công bố/ *Contents of disclosure*:

Công bố Quy chế công bố thông tin của Công ty Cổ phần Damsan./ *Announcement of the Information Disclosure Regulations of Damsan Joint Stock Company*

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 12/03/2026 tại đường dẫn <http://damsanjsc.vn/> This information was published on the company's website on 12/03/2026, as in the link <http://damsanjsc.vn/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/ *We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

Đại diện tổ chức/ Organization representative
Người đại diện theo pháp luật/ Legal representative



CHỦ TỊCH H.Đ.Đ. Q.T
Vũ Huy Đông

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----***-----

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Hưng Yên, ngày 12 tháng 03 năm 2026

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Căn cứ pháp lý, phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Căn cứ pháp lý

Quy chế Công bố Thông tin (Sau đây viết tắt là “Quy chế”) này được xây dựng căn cứ theo quy định của:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019; và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng (“**Nghị định 155**”);
- Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155;
- Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán (dưới đây gọi là “**Thông tư 96**”);
- Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 09 năm 2024 của Bộ Tài Chính về việc sửa đổi, bổ sung thông tư liên quan đến việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- Quy chế niêm yết và giao dịch chứng khoán niêm yết (*Ban hành kèm theo Quyết định số 17/QĐ-HDTV ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng thành viên Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam*) (dưới đây gọi là “**Quy chế NY**”)
- Quy chế công bố thông tin tại Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và Công ty con (*Ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam*) (dưới đây gọi là “**Quy chế CBTT SGDCK**”);
- Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

2. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế này quy định về cách thức, trình tự thực hiện việc công bố các thông tin của Công ty đối với cổ đông, nhà đầu tư, cơ quan có thẩm quyền và xác định công việc và trách nhiệm, quyền hạn của bộ phận công bố thông tin, các phòng ban

chuyên môn đơn vị trực thuộc liên quan đến hoạt động công bố thông tin tại Công ty.

3. Đối tượng áp dụng

- a. Bộ phận công bố thông tin (Bộ phận IR)
- b. Người thực hiện công bố thông tin
- c. Người nội bộ của Công ty và người có liên quan
- d. Các Phòng, Ban, bộ phận, đơn vị trực thuộc Công ty
- e. Cổ đông, nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin theo quy định của pháp luật
- f. Cơ quan tổ chức, cá nhân liên quan khác

Điều 2. Các chữ viết tắt

- a. UBCKNN: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- b. SGDCK: Sở giao dịch chứng khoán;
- c. VSCD: Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam;
- d. Công ty: Công ty Cổ phần Damsan;
- e. ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Damsan;
- f. HĐQT: Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Damsan;
- g. TGD: Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Damsan;
- h. CBTT: Công bố thông tin;
- i. Bộ phận IR (Investors Relationship): Bộ phận Quan hệ Cổ đông, Nhà đầu tư.
- j. NNB: Người nội bộ

Điều 3. Giải thích từ ngữ

- a. *Nhà đầu tư* thuộc đối tượng công bố thông tin bao gồm:
 - Nhà đầu tư là người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ;
 - Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty;
 - Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư có liên quan mua vào để trở thành cổ đông lớn của Công ty;
 - Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của Công ty.
- b. *Người nội bộ của Công ty* bao gồm:
 - Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT, người đại diện pháp luật;

- Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty;
 - Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát và thành viên ban kiểm toán nội bộ;
 - Thư ký công ty, người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin của Công ty.
- c. *Người có liên quan*: là tổ chức, cá nhân theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.
- d. *Ngày công bố thông tin*: là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại khoản 1 Điều 5 Quy chế này.
- e. *Ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán* được xác định như sau:
- Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Sở giao dịch chứng khoán;
 - Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện quyền mua;
 - Là ngày hoàn tất việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu theo thông báo của tổ chức phát hành;
 - Là ngày hiệu lực chuyển quyền sở hữu chứng khoán tại VSDC trong trường hợp giao dịch thực hiện qua VSDC;
 - Là ngày kết thúc việc thanh toán tiền mua cổ phần theo thông báo của tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần trong trường hợp thực hiện giao dịch qua phương thức đấu giá;
 - Là ngày công ty xác nhận hiệu lực của việc chuyển nhượng chứng khoán trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua VSDC và SGDCK.
- f. Các thuật ngữ chưa được giải thích tại Quy chế này sẽ được hiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và Thông tư 96/2020/TT-BTC.
3. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

Điều 4. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Việc CBTT phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật.
2. Ngôn ngữ thực hiện CBTT là song ngữ tiếng Việt – tiếng Anh
3. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu cá nhân đó đồng ý.
4. Đối tượng CBTT phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng công bố thông tin phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.
5. Các đối tượng CBTT khi CBTT phải đồng thời báo cáo UBCKNN và SGDCK nơi chứng khoán đó niêm yết, đăng ký giao dịch về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại khoản 3 Điều này và các đối tượng CBTT không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN và SGDCK thực hiện công khai thông tin.
6. Việc công bố thông tin của tổ chức phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền CBTT thực hiện. Việc CBTT của cá nhân do cá nhân tự thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân khác thực hiện.
7. Các đối tượng CBTT có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã công bố, báo cáo theo quy định như sau:
 - a. Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng CBTT tối thiểu là 05 năm;

- b. Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng CBTT tối thiểu là 05 năm.

Điều 5. Người thực hiện công bố thông tin

1. Người thực hiện CBTT là 01 người đại diện theo pháp luật hoặc 01 cá nhân là người được ủy quyền CBTT theo quy định tại Quy chế này và quy định pháp luật.
2. Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền CBTT công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện CBTT mà tất cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền CBTT đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban Điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện CBTT. Trường hợp có hơn 01 người giữ chức vụ cao nhất, các thành viên còn lại của Ban Điều hành phải thực hiện bầu hoặc chỉ định 01 người chịu trách nhiệm CBTT.
3. Công ty phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về người thực hiện CBTT cho UBCKNN và SGDCK trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện CBTT có hiệu lực. Nội dung thông tin báo cáo thực hiện theo Khoản 1 Điều 6 Thông tư 96/2020/TT-BTC.

Điều 6. Phương tiện báo cáo, công bố thông tin

1. Các phương tiện báo cáo, công bố thông tin bao gồm:
 - a. Trang thông tin điện tử (website) của Công ty;
 - b. Hệ thống CBTT của UBCKNN;
 - c. Trang thông tin điện tử của SGDCK, phương tiện CBTT khác theo Quy chế của SGDCK;
 - d. Trang thông tin điện tử của VSDC;
 - e. Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật (báo in, báo điện tử,...).
2. Việc CBTT trên hệ thống CBTT của UBCKNN, trang thông tin điện tử của SGDCK thực hiện theo hướng dẫn của UBCKNN, SGDCK.

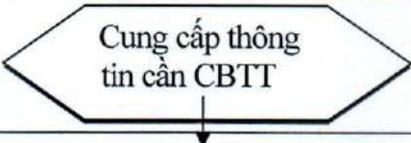
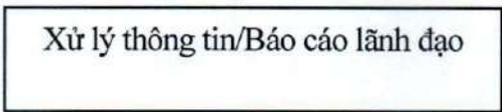
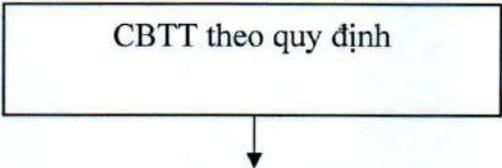
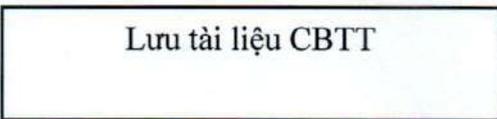
Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 7. Các nội dung công bố thông tin

1. Công ty thực hiện chế độ báo cáo và CBTT theo quy định tại Phụ lục I đính kèm Quy chế này.
2. Chế độ báo cáo và CBTT của các đối tượng khác theo quy định tại Phụ lục II đính kèm Quy chế này.

Điều 8. Quy trình công bố thông tin

STT	Đơn vị/ Cá nhân thực hiện	Nội dung thực hiện	Phối hợp
1	Các Phòng, Ban, Bộ phận, Nhà đầu tư		
2	Bộ phận IR		
3	CBTT qua cổng thông tin điện tử của UBCKNN, SGDCK, Website công ty và gửi thư (nếu cần theo quy định)		Bộ phận truyền thông, Marketing
4	Ban Tài chính / Thư ký trợ lý		

Điều 9. Trách nhiệm phối hợp giữa người CBTT và các phòng ban liên quan

1. Tất cả các Phòng Ban có liên quan đều phải phân công cán bộ, nhân viên chuyên trách hoặc tiến hành việc theo dõi, kiểm tra nội dung cần công bố thông tin thuộc trách nhiệm của bộ phận mình theo đúng quy định của Pháp luật và Quy chế này;
2. Các phòng, ban, bộ phận đầu mối (được liệt kê tại sơ đồ trên) có trách nhiệm gửi Báo cáo/văn bản cần được Công bố thông tin tới Bộ phận IR đồng thời báo cáo Ban Tổng Giám đốc và Phụ trách trực tiếp trong thời hạn phải báo cáo/CBTT (nêu tại Phụ lục 1 đối với từng nội dung công bố) để Ban Tổng giám đốc, Phụ trách trực tiếp kiểm tra rà soát và có ý kiến chỉ đạo trước khi thực hiện công bố thông tin.
3. Các Phòng, Ban, Bộ phận đầu mối chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc về nội dung, hình thức, thời hạn lập và nộp báo cáo, công bố thông tin trong phạm vi, quyền hạn của mình. Bộ phận IR chịu trách nhiệm trước HĐQT, Ban TGD về thời hạn báo cáo/CBTT, về hình thức thực hiện mà không

phải chịu trách nhiệm về nội dung do các phòng ban chuyển đến phục vụ cho việc báo cáo/CBTT.

4. Các Phòng, Ban, Bộ phận đầu mối, Bộ phận IR chịu trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền mà Công ty sẽ thực hiện báo cáo để đảm bảo cho việc nộp báo cáo đúng địa chỉ và thời hạn theo quy định, đồng thời giải quyết các vấn đề phát sinh theo yêu cầu của cơ quan thẩm quyền trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Trường hợp vượt quá phạm vi quyền hạn, các Phòng, Ban, bộ phận đầu mối có nghĩa vụ trình Ban Tổng Giám đốc xem xét, giải quyết.
5. Tùy theo tính chất của các loại báo cáo được quy định cụ thể tại Phụ lục dẫn đến việc nộp báo cáo bằng cả hai phương thức (i) gửi văn bản chính thức và/hoặc (ii) thư điện tử/CBTT qua cổng thông tin điện tử của UBCKNN và SGDCK, Người thực hiện CBTT thực hiện như sau:
 - a. Báo cáo: Các Phòng, Ban bộ phận đầu mối tiến hành gửi các báo cáo tới Bộ phận IR và Bộ phận này sẽ tiến hành báo cáo bằng văn bản chính thức và/hoặc qua địa chỉ hộp thư điện tử mà Công ty đã đăng ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đồng thời gửi cho Ban TGD đúng thời hạn quy định.
 - b. Báo cáo và CBTT: Các Phòng, Ban, Bộ phận đầu mối tiến hành lập báo cáo, gửi văn bản chính thức cho Bộ phận IR đồng thời gửi cho Ban TGD đúng thời hạn quy định để Bộ phận IR có trách nhiệm CBTT theo đúng quy định của Pháp luật.
6. Việc CBTT trên website Công ty: Phòng, Ban, bộ phận đầu mối có trách nhiệm gửi file dữ liệu điện tử đúng thời hạn quy định tới Bộ phận IR để đăng tải lên website của Công ty.

Điều 10. Báo cáo tổng hợp

1. Do một số báo cáo có tính chất tổng hợp tình hình hoạt động từ nhiều Phòng, Ban, Bộ phận khác nhau như Báo cáo thường niên, Báo cáo quản trị, nên từng Phòng, Ban, Bộ phận sẽ có trách nhiệm lập báo cáo cho một hoặc một số mục tương ứng tại Báo cáo đó, gửi về Bộ phận IR tổng hợp và phải liên đới chịu trách nhiệm về nội dung mình đã lập.
2. Sau khi lập xong các mục báo cáo chi tiết, các Phòng, Ban, Bộ phận gửi bản mềm về Phòng, ban, Bộ phận đầu mối để tổng hợp và nộp hoặc CBTT theo quy định của Pháp luật.

3. Phòng, ban, bộ phận đầu mối có trách nhiệm đôn đốc, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện nghĩa vụ của các Phòng, ban bộ phận liên quan.

Điều 11. Xử lý vi phạm về công bố thông tin

1. Các đối tượng được quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quy chế này có hành vi vi phạm các quy định tại Quy chế này, vi phạm các quy định của pháp luật gây thiệt hại cho Công ty liên quan đến việc thực hiện, quản lý hoạt động công bố thông tin thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.
2. Việc xử lý vi phạm về công bố thông tin được thực hiện theo Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và Nghị định số 128/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan khác.
3. Tổng giám đốc có quyền đưa ra các hình thức xử lý vi phạm phù hợp với chức năng và quyền hạn của mình đối với các trường hợp vi phạm về Quy chế công bố thông tin này.
4. Trường hợp vi phạm nghiêm trọng, vượt quá thẩm quyền giải quyết của Tổng giám đốc, Tổng giám đốc sẽ báo cáo Hội đồng quản trị xử lý vi phạm theo quy định.

Điều 12. Thẩm quyền xử lý vi phạm

1. Đối với vi phạm phát sinh từ người công bố thông tin: Việc xử lý vi phạm sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật và thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
2. Đối với vi phạm phát sinh từ cá nhân trực thuộc phòng ban: Việc xử lý vi phạm sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật và thẩm quyền của Tổng Giám đốc.

Điều 13. Lưu trữ hồ sơ

1. Tất cả bản gốc của báo cáo, tài liệu công bố thông tin sau khi đã có phê duyệt của HĐQT, Ban Tổng giám đốc Công ty hoặc Người được ủy quyền CBTT gửi đi đều phải được lưu trữ tại Bộ phận IR.
2. Các Phòng, Ban, bộ phận đầu mối có trách nhiệm lưu giữ 01 bản sao của các báo cáo tài liệu công bố thông tin đã gửi đi.
3. Việc lưu trữ hồ sơ phải đảm bảo khoa học, rõ ràng, dễ tìm kiếm và có phân loại theo các tiêu chí phù hợp như loại báo cáo, báo cáo năm, cơ quan báo cáo, ...

4. Thời gian lưu trữ tối thiểu là 10 năm đối với lưu trữ hồ sơ cứng và 5 năm đối với lưu trữ điện tử.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Sửa đổi bổ sung Quy chế công bố thông tin

1. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế này sẽ do HĐQT thông qua.
2. Trong trường hợp những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động công bố thông tin của Công ty chưa được đề cập trong bản quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 15. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm III Chương 11 Điều, được HĐQT thông qua ngày 12 tháng 03 năm 2026
2. HĐQT, Ban điều hành, các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức, triển khai, thực hiện Quy chế này.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



CHỦ TỊCH H.Đ.Q.T
Vũ Huy Đông

PHỤ LỤC I: CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY
(Kèm theo Quy chế Công bố thông tin)

STT	Nội dung	Thời hạn CBTT	Nơi tiếp nhận/ Đăng tải thông tin công bố	Ghi chú / Mẫu biểu
A	CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ			
1	Báo cáo tài chính năm của công ty mẹ đã kiểm toán và Báo cáo tài chính năm hợp nhất đã được kiểm toán	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính	UBCKNN, SGDCK, website công ty	
2	Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.	- Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính. - Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng tối đa không quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính trong trường hợp công ty là công ty mẹ của tổ chức khác hoặc là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng.	UBCKNN, SGDCK, website công ty	
3	Báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có)	- Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý đối với BCTC quý. - Trong thời hạn 05 ngày, kể từ	UBCKNN, SGDCK, website công ty	

		<p>ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc quý đối với BCTC soát xét.</p> <p>- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc quý trong trường hợp công ty là công ty mẹ của tổ chức khác hoặc là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng.</p>		
<p><i>Lưu ý: Khi CBTT các báo cáo tài chính nêu tại mục 1, 2 và 3, công ty phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:</i></p> <p><i>a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;</i></p> <p><i>b) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;</i></p> <p><i>c) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.</i></p>				
4	Báo cáo thường niên	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính	UBCKNN, SGDCK, website công ty	Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư 96
5	Báo cáo tình hình quản trị Công ty 6 tháng và năm	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch	UBCKNN, SGDCK, website công ty	Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư 96
6	Bản cung cấp thông tin về quản trị công ty - Một bản báo cáo - Một bản dữ liệu định dạng Excel	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch	SGDCK, website công ty	Mẫu NY-02 kèm theo Quy chế NY

7	<p>CBTT họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm: thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</p>	<p>Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>UBCKNN, SGDCK, website công ty</p>	
8	<p>Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên và bộ tài liệu thông qua tại ĐHĐCĐ <i>Trường hợp ĐHĐCĐ thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.</i></p>	<p>Trong vòng 24h kể từ khi ban hành Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ</p>	<p>UBCKNN, SGDCK, website công ty</p>	
9	<p>Phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết</p>	<p>Chậm nhất 15 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến</p>	<p>UBCKNN, SGDCK, website công ty</p>	
10	<p>Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết của ĐHĐCĐ <i>Trường hợp ĐHĐCĐ thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn</i></p>	<p>Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi thông qua Nghị quyết và Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông</p>	<p>UBCKNN, SGDCK, website công ty</p>	
11	<p>Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ công ty</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo Quý 1: Chậm nhất là ngày 10/03 (căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 28/02). - Báo cáo Quý 2: Chậm nhất là ngày 10/06 (căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 31/05) - Báo cáo Quý 3: Chậm nhất là ngày 10/09 (căn cứ trên danh sách 	<p>SGDCK</p>	

		<p>cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 31/08)</p> <p>- Báo cáo Quý 4: Chậm nhất là ngày 10/12 (căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 30/11)</p>		
B CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG				
1	Tài khoản của công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này.	Trong vòng 24h kể từ khi phát sinh sự kiện	UBCKNN, SGDCK, website công ty	
2	Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật)	Trong vòng 24h kể từ khi phát sinh sự kiện	UBCKNN, SGDCK, website công ty	
3	Thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán BCTC năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng)	Trong vòng 24h kể từ khi phát sinh sự kiện	UBCKNN, SGDCK, website công ty	
4	Việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký	Trong vòng 24h kể từ khi phát sinh sự kiện	UBCKNN, SGDCK, website công ty	
5	Kết quả điều chỉnh hồi tố BCTC (nếu có)	Trong vòng 24h kể từ khi phát sinh sự kiện	UBCKNN, SGDCK, website công ty	

6	Ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần của kiểm toán viên đối với BCTC	Trong vòng 24h kể từ khi phát sinh sự kiện	UBCKNN, SGDCK, website công ty	
7	Sau khi thay đổi kỳ kế toán, công ty công bố báo cáo tài chính cho đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.	UBCKNN, SGDCK, website công ty	
8	Tổng tài sản (ghi trong sổ kế toán) giảm hơn 10% do mua lại cổ phiếu của chính mình	CBTT và báo cho các chủ nợ trong vòng 15 ngày kể từ ngày hoàn tất thanh toán	UBCKNN, SGDCK, website công ty	
9	Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động	Trong vòng 24h kể từ khi phát sinh sự kiện	UBCKNN, SGDCK, website công ty	Với thay đổi nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, công bố theo Phụ lục III ban hành kèm Quy chế CBTT SGDCK
10	Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của ĐHĐCĐ, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp ĐHĐCĐ thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải CBTT về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn	Trong vòng 24h kể từ khi ban hành Nghị quyết	UBCKNN, SGDCK, website công ty	
11	Quyết định mua lại cổ phiếu của công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ	Trong vòng 24h kể từ khi ban hành Nghị quyết	UBCKNN, SGDCK, website	

	phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán		công ty	
12	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu	Trong vòng 24h kể từ khi ban hành Nghị quyết	UBCKNN, SGDCK, website công ty	
13	Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên công ty, con dấu của công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty	Trong vòng 24h kể từ khi ban hành Nghị quyết	UBCKNN, SGDCK, website công ty	Trường hợp đăng ký mô hình công ty, loại báo cáo tài chính công bố thông tin khi đăng ký ngày giao dịch đầu tiên hoặc đăng ký thay đổi mô hình công ty, loại báo cáo tài chính do tổ chức lại doanh nghiệp công bố theo Phụ lục IV ban hành kèm theo Quy chế CBTT SGDCK
14	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết	Trong vòng 24h kể từ khi ban hành Nghị quyết	UBCKNN, SGDCK, website công ty	
15	Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội	Trong vòng 24h kể từ khi ban hành	UBCKNN,	

	đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của công ty đại chúng	Nghị quyết	SGDCK, website công ty	
16	<p>Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết. Thời điểm CBTT thực hiện như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu, tính từ thời điểm công ty báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán; - Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ; - Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của công ty hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông; công ty chứng khoán mua cổ phiếu của chính mình để sửa lỗi giao dịch hoặc mua lại cổ phiếu lẻ, công ty công bố thông tin trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày CBTT. 	Trong vòng 24h kể từ khi ban hành Nghị quyết	UBCKNN, SGDCK, website công ty	Phụ lục V ban hành kèm theo Quy chế CBTT SGDCK
17	Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ	Trong vòng 24h kể từ khi ban hành Nghị quyết	UBCKNN, SGDCK, website công ty	Phụ lục I ban hành kèm Quy chế CBTT SGDCK

				Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 96
18	Trường hợp phát sinh thay đổi thông tin của người nội bộ và người có liên quan đã cung cấp	Trong vòng 24h kể từ khi phát sinh	SGDCK	Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 96
19	Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét.	Trong vòng 24h kể từ khi ban hành Nghị quyết	UBCKNN, SGDCK, website công ty	Trường hợp công ty là công ty mẹ thì căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất
20	Khi nhận được quyết định khởi tố đối với công ty, người nội bộ của công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của công ty	Trong vòng 24h kể từ khi ban hành Nghị quyết	UBCKNN, SGDCK, website công ty	
21	Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Toà án liên quan đến hoạt động của công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế	Trong vòng 24h kể từ khi ban hành Nghị quyết	UBCKNN, SGDCK, website công ty	
22	Công ty nhận được thông báo của Toà án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp	Trong vòng 24h kể từ khi ban hành Nghị quyết	UBCKNN, SGDCK, website công ty	
23	Trường hợp công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính công ty, công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó	Trong vòng 24h kể từ khi ban hành Nghị quyết	UBCKNN, SGDCK, website công ty	
24	Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty	Trong vòng 24h kể từ khi ban hành Nghị quyết	UBCKNN, SGDCK, website công ty	

25	Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài	Trong vòng 24h kể từ khi ban hành Nghị quyết	UBCKNN, SGDCK, website công ty	
26	Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ	Trong vòng 24h kể từ khi ban hành Nghị quyết	UBCKNN, SGDCK, website công ty	
27	Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét (căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất đối với trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ);	Trong vòng 24h kể từ khi ban hành Nghị quyết	UBCKNN, SGDCK, website công ty	
28	Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).	Trong vòng 24h kể từ khi ban hành Nghị quyết	UBCKNN, SGDCK, website công ty	
29	CBTT về hợp ĐHĐCĐ bất thường và tài liệu hợp	Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc hợp ĐHĐCĐ	UBCKNN, SGDCK, website công ty	
30	CBTT về việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Tài liệu gồm: Phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình	Tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến	UBCKNN, SGDCK, website công ty, cổ đông	
31	CBTT Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết ĐHĐCĐ	Trong vòng 24h kể từ khi ban hành Nghị quyết	UBCKNN, SGDCK, website công ty	

32	Ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp tham dự ĐHĐCĐ: tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến. - Trường hợp khác: tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến 	UBCKNN, SGDCK, website công ty	
C CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC				
1.	Về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn	Thực hiện theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán	UBCKNN, SGDCK, website công ty	
2.	Về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	Thực hiện theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam	UBCKNN, SGDCK, website công ty, VSDC	
3.	Về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ	Thực hiện theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ	UBCKNN, SGDCK, website công ty	

PHỤ LỤC II: CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC

(Kèm theo Quy chế Công bố thông tin)

1. Công bố thông tin về sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty

STT	Nội dung	Thời hạn CBTT	Nơi tiếp nhận/ Đăng tải thông tin công bố	Ghi chú / Mẫu biểu
1	Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn; nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn	UBCKNN, SGDCK, Công ty	Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư 96
2	Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi	UBCKNN, SGDCK, Công ty	Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư 96
3	Công bố trên trang thông tin điện tử của công ty liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của các đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 2 nêu trên	Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu	Website công ty	

2. Công bố thông tin về giao dịch của Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

STT	Nội dung	Thời hạn CBTT	Nơi tiếp nhận/ Đăng tải thông tin công bố	Ghi chú / Mẫu biểu
1	Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của đối tượng này phải công bố thông tin, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu)	- Trước khi thực hiện giao dịch: Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc, CBTT về việc dự kiến giao dịch. - Sau khi thực hiện giao dịch:	UBCKNN, SGDCK, Công ty	Phụ lục XIII ban hành kèm theo Thông tư 96 Phụ lục XV ban hành kèm theo Thông tư 96

STT	Nội dung	Thời hạn CBTT	Nơi tiếp nhận/ Đăng tải thông tin công bố	Ghi chú / Mẫu biểu
	<p>chuyển đổi) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại SGDCK (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác)</p> <p>Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch và chỉ được bắt đầu tiến hành phiên giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ SGDCK (Trừ trường hợp thực hiện giao dịch mua trong các đợt phát hành cổ phiếu hoặc giao dịch chào mua công khai, đối tượng phải CBTT được miễn trừ nghĩa vụ quy định tại điểm này và thực hiện theo quy định pháp luật về hoạt động chào bán, phát hành, chào mua công khai)</p> <p><i>Lưu ý: NNB của Công ty và người có liên quan của NNB không được đồng thời đăng ký giao dịch mua và bán cổ phiếu trong cùng một đợt đăng ký và phải thực hiện giao dịch theo đúng thời gian và khối lượng đã đăng ký.</i></p>	<p>Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, CBTT về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký</p>		

3. Ghi chú

- NNB của Công ty và người có liên quan của NNB chỉ được đăng ký và thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó.

- Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là NNB của Công ty và người có liên quan của NNB, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định.

- Trường hợp công ty chứng khoán là người có liên quan của NNB của tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch, khi thực hiện sửa lỗi giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch, công ty phải báo cáo UBCKNN, SGDCK và Công ty trong vòng 24 giờ, kể từ thời điểm hoàn thành giao dịch sửa lỗi.

- Trường hợp công ty mẹ hoặc các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội của Công ty (công đoàn, ...), cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty thực hiện giao dịch cổ phiếu phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như quy định đối với người nội bộ.

- Công ty công bố trên website của công ty trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến giao dịch cổ phiếu của NNB của Công ty và người có liên quan của NNB.

